

Trước khi bay từ San Antonio lên Dallas để nói chuyện với toàn thể giáo chức ESL của Khu Học Chánh Dallas vào đầu tháng sáu năm 1981, tôi đã gặp ông Angel Gonzalez cho biết về nhu cầu của tôi trong phòng pháp giảng dạy ESL của họ. Vì chuyên môn của ông là giáo dục song ngữ (Tây ban nha và Anh ngữ) cho các học trò từ học sinh cấp tiểu học đến cấp trung học, ông không rành lắm về giáo dục ESL, nhất là ở bậc trung học, cho nên ông cần tôi để ông trong lãnh vực huấn luyện này. Ông đưa tôi giám đốc giáo dục song ngữ và ESL cho Dallas là một trong 10 khu học chánh lớn nhất của Mỹ, ông Gonzalez chịu trách nhiệm nội dung học trình và phẩm chất giảng dạy cho hơn 50.000 học sinh danh “có khả năng Anh ngữ hạn chế” (limited-English-proficient) từ mẫu giáo đến lớp 12. Theo ông, trong số 500 giáo chức ESL mà khu học chánh Dallas mới tuyển dụng trong thời gian qua, thì đa số thuộc loại “bắn trong bóng tối” (shoot in the dark). Họ là các giáo chức có bằng hành nghề (certified teachers) trong những bộ môn như văn (language arts), khoa học xã hội (social studies), thể dục (physical education), vân vân, nhưng chưa kiếm được việc trong bộ môn của họ. Và nay bỗng nhiên họ xin được việc dạy ESL cho các học trò ngoại quốc nói trên 50 thị trường mới khác nhau! Mỗi cho tôi niên học 1983-1984 Bộ Giáo Dục Texas mới chính thức bắt buộc giáo chức dạy ESL phải có thêm chứng chỉ hành nghề ESL (ESL endorsement). Chứng chỉ hành nghề này đòi hỏi họ phải hoàn tất vài lớp bồi dưỡng ESL tại địa phương và thi đậu một kỳ sát hạch do Bộ Giáo Dục Texas tổ chức.

Để cho bài nói chuyện của tôi mới đầu khóa huấn luyện mùa hè cho họ được thoải mái, tôi đã nghe với ông Gonzalez rằng tôi sẽ bắt đầu câu chuyện bằng cách tâm sự với họ về những lỗi lầm làm tôi ngượng ngùng (embarrassed) khi sống dưới thị trường Anh “không giảng dạy” của tôi trong thời gian mới qua Mỹ du học vào mùa thu 1959 – họ đương nhiên có những pháp cũ kỹ mang danh “grammar-translation” mà cho đến ngày nay nhiều người trên thế giới còn dùng. Sau đó, tôi sẽ đề nghị một số “chiến lược giảng dạy” (instructional strategies) được coi là hữu hiệu lý tưởng một số phương pháp cần đổi mới như “nghe và nói” (audio-lingual method), “đồng thời chức năng” (functional syllabus), “tình huống” (situational method), vân vân, cho đến một phương pháp hướng giảng dạy mới mới đang bắt đầu thành hình, đưa vào tiến trình thể dục ngôn ngữ mới và mang danh “phương pháp học tự nhiên” (natural approach). Tôi tin tưởng những “chiến lược chắc chắn” (surefire strategies) này sẽ là hành trang tốt cho những đồng nghiệp mà ông Gonzalez nhận thấy còn đang “bắn trong bóng tối.” Ông Gonzalez hoan hỷ tán thành đề nghị của tôi.

Lúc ông Gonzalez đưa tôi đến hội trường thì cả phòng đã ngổn ngang kín mít vì sắp đến giờ khai mạc. Ông Gonzalez bước lên bục thuyết trình chào mừng các thầy và học sinh qua chứng trình của khóa huấn luyện mùa hè. Rồi ông mới tôi lên đứng cạnh ông bên máy vi âm khi ông giới thiệu tôi rồi nói ngượng ngùng với cả phòng.

Tôi mới du câu chuyện bắt đầu khúc quanh quan trọng trong tiến trình học và nghiên cứu của tôi. Đó là một ngày cuối hè 1959, khi tôi được chính phủ Việt Nam Cộng Hòa (South Vietnam) và cơ quan viện trợ Mỹ (USAID) cấp cho một học bổng mang danh dự kỳ vọng là “leadership scholarship” du học tại Mỹ rồi trở về phục vụ đất nước, sau khi tôi du tú tài toàn phần ban văn chương với học danh đầu và đạt điểm cao trong kỳ thi tuyển học bổng toàn quốc do USAID tổ chức bằng tiếng Anh.

Trở lại, lúc quan và dự tin, tôi nghĩ mình sẽ thuận buồm xuôi gió với tiếng Anh khi qua Mỹ. Nhưng tôi lầm to, vì con thuyền tiếng Anh của tôi đã không được chuẩn bị đủ ra khơi! Không thể đổ lỗi cho ai cả, vì sự thật là tôi và các thầy dạy Anh vẫn chưa tôi thu được đó chính là nền nhân văn của thời cuộc mà thôi. Tiếng Anh lúc đó còn quá mới mẻ với người Việt, cho nên chính các thầy còn gặp khó khăn với cách phát âm (pronunciation) cũng như sự lưu loát (fluency) trong tiếng Anh. Hơn nữa, phương pháp dạy của các thầy quá lưu tâm đến từ vựng, khiến cho các hoạt động trong lớp chủ yếu dựa trên các quy luật văn phạm và khả năng dịch thuật từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại. Đó cũng là cách các thầy của tôi “học” tiếng Anh trước khi ra hành nghề. Một năm về sau, khi chuyên viên học áp dụng tại Georgetown University, tôi mới được biết đến với dạy của các thầy tôi đó có danh xưng uy nghi là “phương pháp văn phạm - dịch thuật” (grammar-translation method)! Và bộ giáo khoa viết bằng tiếng Pháp mang tên “l’anglais vivant” (tiếng Anh sống) của tác giả Carpentier-Fialip do nhà sách Hachette xuất bản tại Paris, với hai phiên bản màu xanh da trời (édition bleue) và màu vàng xám (édition beige), quy tắc là lý tưởng cho việc dạy và học thu được. Tiếng Anh như vậy, tuy được gọi là “sống” theo tên bộ sách, thực sự được dạy như một ngôn ngữ đã “chết” rồi. Nhờ phương pháp này, khi xong trung học, tôi có khả năng dịch (qua văn viết thôi) từ tiếng Anh sang tiếng Việt và từ tiếng Việt sang tiếng Anh, bằng một thứ tiếng Anh đúng văn phạm và không sai chính tả. Tôi chỉ nghĩ nói ngoài đầu, cái tôi non nớt ấy, qua những bài học văn phạm tiếng Anh đã học thuộc lòng như cháo, tôi đã có thể đưa ra định nghĩa, trình bày công thức cấu trúc, và cung cấp thí dụ chính xác thế nào là thì “tương lai hoàn thành tiếp diễn” (future perfect progressive tense) trong tiếng Anh, như một cái máy vậy. Không thay, đó là một thứ mà chính những người Anh, người Mỹ chính cũng chưa hề học được, như trong câu “by this time next month, we will have been living in America for two weeks” chẳng hạn. Đây là một “thứ” trong tiếng Anh mà tiếng Việt của tôi khó lòng diễn tả nổi, vậy mà tôi vẫn thuộc lòng!

Sau một vài buổi huấn luyện qua loa về văn hóa Mỹ tại Sở Thông Tin Hoa Kỳ tại Saigon, tôi lên đường du học lúc 18 tuổi. Khi tới Honolulu, tôi được rời máy bay vài chục phút, đi bộ trong terminal của phi trường cho đến gần đến cửa. Chưa chi mà đã nghe nhà đến muộn khóc! Và tôi đứng tiên nghe những người xung quanh mình nói toàn tiếng Mỹ, tôi cảm thấy hơi bối rối, lo lắng. Vài bữa sau, tôi đã có một tour tham quan theo học khóa mùa thu. Miami là một địa điểm có campus đẹp như một thiên đường bang Ohio, nhưng tôi cảm thấy mình như một khách lạ lạc lõng trong thiên đường. Tôi bắt đầu khám phá ra sự thật phũ phàng là “tiếng Anh nói” (spoken English) của người Mỹ bản xứ và “tiếng Anh viết” (written English), vốn là ngôn ngữ truyền của tôi, khác nhau một trời một vực. Tôi cũng thấy những bài đàm thoại (dialogues) giữa hai cá nhân A và B mà tôi đã học thuộc lòng “phòng khi họ sử dụng” hoàn toàn vô ích, vì làm gì có

ngôi i M nào đã cùng học thu học lòng nh ng bài đàm thoại y đ nói chuyện v i tôi đâu!

Tôi “quê” đ n n i không biết cách đ i đáp ra sao m i khi các sinh viên M nói “hi” v i tôi. Ch c h n h nghĩ là tôi không thân thi n ho c cảm ho c đ i c. H đ u có biết cho r ng tôi ch a h đ c d y là “hi” cũng là m t l i chào h i nh “hello” v y. Vì không biết ng i M th ng nói “bless you!” khi ai đó g n h nh y mũi (sneeze), tôi cảm nh h n m i khi anh b n M cùng phòng c a tôi nh y mũi n ào. Tôi cũng có l n ng n ng i ra vì không hi u câu h i nhanh nh gió c a anh ta, nghe ra nh th “jeet jet?” V sau m i biết câu y chính là “did you eat yet?” phát âm th t nhanh, khi n cho các âm v (phonemes) trong m y ch đó b rút ng n và dính ch t vào v i nhau! Nh đa s các học trò Á châu khác, tôi là m t ng i học b ng m t (a visual learner), và do đó dùng hình th c vi t (spelling) c a ch làm kim ch nam phát âm ch đó. Tại h i thay, l i phát âm ki u này khi n tôi phát âm tr t m t s ch Anh, nh “Wednesday” (thành ra 3 âm ti t: wed-nes-day), “often” (phát âm c m u t “t”), “Arkansas” (v n v i Kansas). Riêng nhóm m u t “-ough” th c đ s vì nó có nhi u l i phát âm khác nhau; tôi đã ph i vô cùng c n tr ng m i khi phát âm các ch “bough, cough, hiccough, tough, though, through”! Nh ng đi u quá đ cho ng i M b n x phát âm l i là nh ng th thách cho tôi, ch ng h n s khác biệt t nh gi a âm [i] trong ch “it” và âm [iy] trong ch “eat” ho c gi a âm [u] trong ch “look” và âm [uw] trong ch “Luke.” Tôi còn nh m i l n phát âm ch “sheet” và ch “beach” là tôi ng i l m v n u không c n th n chúng có th b nghe l n thành hai ch r t t c trong tiếng M! Cũng vì thi u c h i th c t p phát âm tiếng Anh m t cách nghiêm túc, tôi a m c l i đ tr t đ u gi ng chính (primary stress) trong m t ch đa âm ti t (multisyllabic word), ch ng h n thay vì nh n m nh âm ti t đ u tiên c a ch “melancholy” tôi t ng nh n m nh âm ti t th hai m t cách sai l m. Nguy h i h n, nh n m nh sai ch có th vô tình bi n ch này thành ch khác; ch ng h n, ch “invalid” có hai cách phát âm: n u nh n m nh âm ti t đ u tiên, ch đó là m t danh t có nghĩa là m t “ph nhân” (có th đã hy sinh m t ph n thân th cho đ t n c); n u nh n m nh âm ti t th hai, ch đó là m t tính t có nghĩa là “vô giá tr.” V ph nhân s bu n biết m y n u b ng i đ i phát âm tr t khi n danh t đáng kính kia tr thành m t tính t ch ng đ p chút nào!

Trong lãnh v c cú pháp (syntax) và cách ch n t (diction), tiếng M c a tôi trong th i gian đ u đ i học là th tiếng M “bớt thớt ng.” Nó già nua (archaic), hoa m (flowery), trang tr ng (formal), bớt t nhiên (unnatural), bớt chính ch ng (unauthentic), và do đó ch ng gi ng “tiếng M nói” (spoken American English) hi n đ i chút nào! Nó là s n ph m c a kh năng đ ch thu t c a tôi c ng v i nh ng t ng c l xĩ và văn ph m cao c p không m y may phù h p v i tiếng M hi n đ i mà tôi ph i làm quen và mau chóng chinh ph c.

Th tiếng Anh bớt thớt ng c a tôi lúc y thu học lo i “phát minh cá nhân” (personal invention) ch a bao gi đ c đ i u ch nh b i “quy c xã h i” (social convention) t c là l i nói tiếng Anh chính ch ng c a ng i b n x. Anh b n cùng phòng c a tôi mang tên Dick Welday là m t ng i r t thân thi n và vui nh n. Sau vài câu chuyện trong ngày đ u chúng tôi m i g p nhau, Dick nheo m t nói v i tôi đ i khái, “Tiếng Anh c a b n ng (interesting) l m đ y, nh ng

tôi cũng hiểu bạn.” Chỉ vào hôm đó, Dick đến vài ngày ở bạn Mỹ khác đến chơi với tôi; chắc hẳn anh ta đã nói với họ về thị tiếng Anh tôi đến của tôi và muốn cho họ đích thân nghe tôi nói thị tiếng Anh. Sau khi giới thiệu họ với tôi, Dick khai mào, “Phap, tell us about the weather in Vietnam when you left a few days ago.” Dùng khả năng dịch thuật tôn trọng cú pháp tuy nhiên và nhúng từ ngữ hoa mỹ kính, tôi chậm rãi trả lời, “My friends, when I took leave of my beloved fatherland, which is situated near the equator, the weather was scorchingly hot.” Họ là về ngữ cảnh nhiên và cảnh tượng mới tôi nói thị tiếng Anh lòng của tôi. Rồi Dick thêm, “Isn’t his English interesting?” Bởi vậy, tôi hỏi Dick, “How would you express what I just said?” Anh trả lời gọn lẹ, “When you left Vietnam, it was hot like hell.” Tôi nghe câu này khoái tai quá, và đã “học” ngay đến hai từ quan trọng— đó là hãy dùng “leave” thay vì “take leave of” và thành ngữ táo bạo “like hell” để biểu diễn mức độ. Toàn là nhúng từ ngữ hời hợt quá xá mà tôi chưa hề biết đến bao giờ! Nếu là “giới thiệu” (unlearn) thị tiếng Anh cũ để “học lại” (relearn) của tôi khi đến lúc này.

Nhúng từ ngữ tôi đến tiên tại Miami University thực sự thách thức cho tôi. Nhúng một con cá vắng ra khỏi nước, tôi không biết từ ngữ lại học về của mình sẽ ra sao. Tôi chưa quen nghe thị tiếng Mỹ của các giáo sư cho nên vì vậy tôi cố gắng ghi chép lại những từ của các thầy là một điều tự nhiên. Mỗi khi các thầy viết lên bảng để học gì là tôi vui mừng chép lại chép đến một cuốn vở. Bài luận văn đến tiên của tôi trong lớp “English composition” là một bài học để tôi, nhúng nhúng cho tôi “để học bao giờ biết của về cách chấm câu (punctuation) thị tiếng Mỹ.” Bài luận văn này tôi đã viết rất kỹ về một phần nghìn, từ phần nghìn đến chấm câu theo tiêu chuẩn Mỹ. Khi thầy đi đến “D” của học để trên bài viết, tôi thất kinh, vì tôi nghĩ ông thầy tại sao tôi bỏ đi kém này. Ông nói tôi phải của nên tôi đã về cách chấm câu và khuyên tôi nên ôn tập nhiều trong lãnh vực này. Rồi ông lấy ngón tay chỉ vào nhúng chỗ tôi mắc lỗi là mấu nối dấu phẩy (comma splices) khi nên cho nhiều đoạn trong bài luận trở thành nhúng câu “không ngừng nghỉ” (run-on sentences)! Nhúng lần này, ông nhìn mặt nhúng, không đến phép xuất hiện trong thị tiếng Anh bất cứ điều gì.

Một vấn đề nữa rất lớn với tôi là những từ Mỹ về những từ ngữ (idioms) mà ý nghĩa không thể đoán được trong ngôn ngữ hàng ngày. Tôi có khuynh hướng đoán ý nghĩa của các từ ngữ này theo nghĩa đen (literally), và thường đoán sai, vì làm sao mà tôi có thể hiểu “go break a leg” là có thể là lời chúc “good luck” hoặc “kick the bucket” là cách nói lóng cho việc gì giã cuộc đời? Có lần tôi tại thăm một cô bạn học Mỹ như như mà tôi rất mến vào một buổi sáng chiều như tại ký túc xá của nàng, nhúng nhúng thông báo trước gì gì. Lisa tại trên lầu xuống gặp tôi tại phòng khách, có vẻ không vui và không hợp đến như một ngày tại lớp học. Chưa kịp trang điểm, nàng trông xanh xao vàng vọt quá. Nàng nghiêm nghị nói với tôi, “Phap, I wish you had given me a ring before you stopped by this morning.” Vì tôi tại nàng muốn “đặt giai đoan” một tình đang chờ đợi của chúng tôi, tôi ngây thơ đáp lại, “Lisa, we are both only 18, why should we get engaged at such a young age?” Biết tôi đã hiểu lầm câu nói của nàng, Lisa bắt đầu cười và giải thích, “You silly boy! What I meant was simply that you should have telephoned me before you came to see me this morning.” Ngúng ngữ ngừng quá, tôi xin lỗi đã hiểu lầm nàng chỉ vì thị tiếng Anh của tôi chưa đến đâu, cũng như đã không đến thoả cho nàng trước khi ghé thăm. Lisa là một ân nhân của tôi vì nàng đã làm mới cho tôi rất nhiều về cách sử dụng “colloquial American English” và cũng kiên nhẫn giải thích cho tôi nhiều điều về văn hóa Mỹ như thế nào là “Valentine’s Day”, thế nào là “homecoming queen”, thế nào là “blind date,”

vân vân. Nhưng cái kiến thức ban đầu (schemata) đó về văn hóa Mỹ thực là quan trọng cho tôi mà thực đó tôi chưa nghĩ ngay hay biết!

Trong phần còn lại của bài nói chuyện, tôi đề nghị cho áp dụng một vài “chiến lược” (surefire instructional strategies) cho chương trình ESL của DISD, sao cho học trò đang theo học tránh được những khó khăn, những thử thách mà tôi vừa trình bày, tận dụng những cơ hội của học sinh tiếng Anh ngày nay nói là họ cũnhiều thiều sót và đưa ra những đề nghị thiết thực để sửa sai.

Quan trọng nhất là chiến lược các thầy cô cung cấp cho học trò “tiếng Anh có thể hiểu” trong một lớp học thoải mái” vì đây là điều kiện cần thiết để cho học trò tiếp thu tiếng Anh. Đây cũng là tín hiệu giúp người học có một “phản ứng học tập” do hai nhà giáo ngôn ngữ Mỹ Stephen Krashen và Tracy Terrell đề xuất. Theo họ, lớp học “thoải mái” (stress-free) sẽ làm cho cơ quan ngôn ngữ (language organ) trong não bộ học trò hoạt động tích cực, và khi cơ quan ngôn ngữ nhận được “tiếng Anh có thể hiểu” (comprehensible English) nó sẽ sắp xếp (organize) và hiểu thính (monitor) các dữ kiện ngôn ngữ đó trong não bộ lưu trữ chúng vĩnh viễn (internalization). Những phản ứng đối với các thầy cô nói trong lớp phải vừa (học cao hơn chút để) với khả năng hiểu của học trò. Đó là với những học trò chưa biết chút tiếng Anh nào, “total physical response” (gọi tắt là TPR) là một hoạt động tốt nhất. Các em này chưa nói gì cả, mà chỉ nghe để hiểu xem thầy cô ra lệnh mình phải làm gì (sau khi đã xem thầy cô biểu diễn) rồi thì hành lệnh – như “stand up,” “sit down,” hoặc “touch your nose with your left hand,” vân vân. Tranh vẽ, đồ vật thật (realia), diễn tập bằng nét mặt hay bằng tay chân, hoặc bắt cặp phân vai nào khác giúp học trò hiểu được điều mình nói để đưa ra sự đáp ứng. Để quen thuộc hàng ngày như ăn uống, mua bán, giới trí để được dùng trong các hoạt động nghe, nói, đọc, và viết trong lớp. Điều quan trọng là thầy cô phải giúp cho lớp học luôn luôn thoải mái, vui tươi. Trò chơi, ca hát, cũng như các hoạt động nhân văn (humanistic activities) khác để có thể làm sự học tiếng Anh thêm hấp dẫn, thêm thoải mái. Học trò được khuyến khích tự do nói về mình, về gia đình, về hoài bão tương lai mình trong các hoạt động tiếp tiếng Anh. Nếu đa dạng văn hóa (cultural diversity) được đưa vào các bài học tiếng Anh để học hành thêm hấp dẫn. Krashen và Terrell cho rằng nếu lớp học không thoải mái (trong đó học trò không hiểu thầy cô nói gì, thầy cô ra lệnh lòng như cái máy, vân vân) thì toàn bộ cơ quan ngôn ngữ của học trò sẽ tắt ngấm (shut down).

Chiến lược “ngôn dụng” (pragmatics) rất cần thiết để giúp học trò làm chủ được các “chức năng truyền thông” (communicative functions) cần thiết như chào hỏi, xin chào, giới thiệu, xin lỗi, khen ngợi, chia buồn, vân vân. Quan trọng, một thông tin mới ngoài những cá nhân tùy thuộc vào tình huống chức năng mà người học sẽ đáp ứng thành công. Một chức năng (thí dụ “Asking for directions”) đòi hỏi học trò nắm được hai yếu tố của chức năng đó: (1) Từ vựng (bank, school, zoo, museum ...) và (2) Cấu trúc câu (Where is the bank? Can you tell me where the bank is?).

Chiến lược “bớt bớt” cớ nhợ ng loớ i loớ i phát âm và cú pháp” gây ra do sớ khác biệt tợ a tiếng Anh và tiếng mớ đợ cớ a hớ c trở cũng khá cớ n thiợ t. Dợ a vào khoa “phân tích loớ i” (error analysis), chiến lược này sớ loớ u ý, nhợ c nhợ thợ y cô đợ n nhợ ng cái bợ y (pitfalls) tiếng Anh đang chợ hớ c trở ESL rợ t xuợ ng. Quợ thợ c, hợ u hợ t hợ c trở ESL, bợ t kợ tiếng mớ đợ là gì, đợ u không phân biệt đợ c sớ khác biệt tợ nhợ gợ a hai âm vớ [i] và [iy] nhợ trong cợ p chợ tợ i thiợ u (minimal pair) “it/eat” và hai âm vớ [u] và [uw] nhợ trong cợ p chợ tợ i thiợ u “look/Luke.” Hợ c trở gợ c Mớ châu La-tinh cớ n luyợ n tợ p phát âm kợ loớ ng mớ i mong phân biệt đợ c sớ khác biệt tợ gợ a hai âm vớ [sh] và [ch] nhợ trong cợ p chợ tợ i thiợ u “share/chair.” Âm vớ [th] trong chợ “thin” bợ t buợ c ngợ i nói phợ i đợ đợ u loớ i vào gợ a rằng cớ a trên và rằng cớ a dợ i; đợ u này rợ t khó làm cho hợ c trở ESL, và các em sớ n sàng “thay thợ ” nó bợ ng âm [s], [t], hay [f] là nhợ ng âm các em “quen” hợ n, khiợ n cho “thin” nghe nhợ “sin” hay “tin” hay “fin”! Hợ c trở ngợ i Viợ t có khuynh hợ ng không dùng đợ ng tợ “be” trợ c mợ t tính tợ , chợ ng hợ n “We happy to see you” vì trong tiếng Viợ t mợ i tính tợ có thợ đợ c hiợ u ngợ m nhợ đã có sớ n đợ ng tợ tợ ng đợ ng vớ i “be” nợ m trong đó. Hợ c trở gợ c Mớ châu La-tinh có khuynh hợ ng không dùng chợ tợ , vì đây là mợ t đợ c thù ngợ pháp cớ a tiếng Tây ban nha, trong đó các “đuôi” cớ a đợ ng tợ (verb endings) tiợ t loớ rõ ràng ai là chợ tợ rợ i. Do đó các em có thợ viợ t câu tiếng Anh sai văn phợ m này: “Juan is not from Mexico. Is from Venezuela.”

Chiến lược chót mà tôi đợ nghợ là cho hợ c trở ESL “viợ t nhợ t ký hợ i thoợ i” (dialogue journals). Các em tợ do viợ t vớ bợ t cợ đợ u gì mà các em thích. Thợ y cô ráng bợ thì gợ đợ c và đáp loớ i nhợ ng đợ u các em viợ t, nhợ ng không sớ a chợ a trợ c tiợ p nhợ ng loớ i chính tợ hoợ c văn phợ m. Nhợ ng loớ i viợ t đáp loớ i cớ a thợ y cô đợ ng văn phợ m và đợ ng chính tợ sớ là gợ ng mợ u (modeling) đợ các em noi theo. Quợ thợ c, qua nhợ ng trang nhợ t ký trao đợ i vớ i thợ y cô, các em sớ có rợ t nhiợ u cợ hợ i so sánh “phát minh cá nhân” cớ a các em vớ i “quyợ c xã hợ i” do thợ y cô đã u ái cung cợ p.

Khi tôi chợ m đợ t bài nói chuyợ n chợ đợ đợ yợ p tâm tình này thì đợ c cợ tợ a đợ ng loợ t đợ ng lên vớ tay tán thợ ng. Và chợ vài tuợ n sau đó tôi trợ thành ngợ i phợ trách ESL cho DISD đợ trợ c tiợ p giúp đợ hợ .